TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị Minh H** – sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Số nhà X Đ2, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức P** – sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Số Y, ngõ Z, đường X1, quận G, thành phố Đ3, Đ4, Đài Loan.

(Chị H và anh P đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Lưu Thị Minh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình ngày 21/01/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh P ở thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình. Đến khoảng giữa năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2015, anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; chị và anh P đã cắt đứt

liên lạc với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, chị đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2015. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Đức V sinh ngày 17/4/2012. Năm 2015, chị H đưa cháu V về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến tháng 10/2015 ông bà nội cháu V là ông Nguyễn Đức T1 sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1969, đều có nơi cư trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình đón cháu V về quê nội chăm sóc đến bây giờ. Ly hôn, để cuộc sống của cháu V được ổn định, chị đề nghị giao cháu V cho anh P nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của Bị đơn là anh Nguyễn Đức P trình bày:

Anh P khai thống nhất với chị H về việc đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, thời điểm xảy ra mâu thuẫn và về con chung. Anh P còn khai: tháng 11/2015, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đã nhiều lần làm đơn ly hôn. Ngày 23/6/2019, anh được nghỉ phép trở lại Việt Nam, chị H có bàn bạc với anh về việc ly hôn, cả anh và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thuận tình ly hôn nhưng vì thời gian nghỉ phép không dài nên ngày 20/7/2019 anh đã viết giấy xác nhận trình bày nguyện vọng của bản thân có chứng thực của UBND xã Đ và đưa cho chị H để làm thủ tục ly hôn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý. Về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức V, anh P trình bày: từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu V được bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ1 chăm sóc chu đáo, anh vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông bà nội nuôi dưỡng cháu. Ly hôn, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu ổn định, anh đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh nuôi dưỡng, trong thời gian anh ở nước ngoài, anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ anh chăm sóc cháu V, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh P đều đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Minh H được ly hôn anh Nguyễn Đức P.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức V sinh ngày 17/4/2012 cho anh Nguyễn Đức P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị H, anh P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị Minh H và anh Nguyễn Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình ngày 21/01/2012, trên cơ sở tự nguyện – đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Bản tự khai của chị H và anh P cũng như lời khai của ông T1 (bố đẻ anh P) đều thể hiện: Trong quá trình chung sống với nhau, do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng chị H và anh P thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên đã dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng, mặc dù được hai bên gia đình, động viên hòa giải nhiều lần, tạo mọi cơ hội để chị H và anh P trở về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 11/2015, chị H đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị H và anh P mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh P ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là Nguyễn Đức V sinh ngày 17/4/2012, hiện nay cháu V đang được bố mẹ đẻ anh P là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ1 chăm sóc. Anh P vẫn có trách nhiệm với con, đảm bảo mọi lợi ích của con. Để đảm bảo cho cuộc sống của cháu ổn định, cần chấp nhận đề nghị của chị H và anh P, giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H, anh P đều khai vợ chồng không có tài sản chung.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Minh H được ly hôn anh Nguyễn Đức P.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức V sinh ngày 17/4/2012 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chấp nhận sự ủy quyền của anh P cho bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 ở thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình chăm sóc cháu V trong thời gian anh ở nước ngoài.

Chị H, anh P có quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh P không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009095 ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lưu Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; anh Nguyễn Đức P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã Đ, h. Đ1, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh